

Chủ điểm 1. KHUNG TRỜI TUỔI THƠ (Tuần 1 – 2 – 3 – 4)

Chủ điểm “Khung trời tuổi thơ” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: cảm nhận được về thế giới tươi đẹp của tuổi thơ, biết trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ và trân trọng giá trị tốt đẹp của cuộc sống. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ; biết trân trọng, giữ gìn những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ; biết yêu thiên nhiên, vạn vật, con người; ý thức hơn về trách nhiệm của bản thân về cuộc sống, về tương lai,...*

BÀI 1: CHIỀU DƯỚI CHÂN NÚI (tiết 1 – 4, SHS, tr. 10 – 14)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được về một hoạt động mà em đã tham gia cùng người thân hoặc bạn bè vào dịp hè; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Kỉ ức tuổi thơ của TG hiện lên sống động trong một buổi cùng con trải nghiệm vẻ đẹp của rừng chiều. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Tuổi thơ của mỗi người thường rất đẹp, rất đáng yêu. Cần biết trân trọng kỉ niệm tuổi thơ và trân trọng giá trị tốt đẹp của cuộc sống.*
3. Nhận diện và biết cách sử dụng từ đồng nghĩa.
4. Nhận diện được cấu tạo bài văn tả phong cảnh, biết được trình tự miêu tả phong cảnh.
5. Ghi lại được 1 – 2 hình ảnh em thích trong bài “Chiều dưới chân núi” và lí do em thích mỗi hình ảnh đó.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về cảnh chiều mùa hè trong rừng; về hoạt động đã tham gia vào dịp hè (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Còn bây giờ” đến “để lớn lên?”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

- HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm và nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm “Khung trời tuổi thơ”. (Gợi ý: *Những kỉ niệm tươi đẹp của tuổi thơ bên gia đình, bạn bè, thầy cô,...*)
- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một hoạt động mà em đã tham gia cùng người thân hoặc bạn bè vào dịp hè (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Chiều dưới chân núi”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Chiều dưới chân núi

1.1. Luyện đọc thành tiếng

- HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật, từ ngữ miêu tả cảnh vật; giọng con trong sáng, hồn nhiên; giọng mẹ trù mến, thể hiện tình cảm yêu thương,...*)
- HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:
 - + Luyện đọc một số từ ngữ khó: *phấp phới, lộng lẫy,...*
 - + Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:
 - *Hầu như ngày nào cũng vậy,/ khi mặt trời bắt đầu lặn/ thì tôi đi từ trên núi về nhà/ với một bó củi khô trên vai.//;*

• *Còn bây giờ,/ chúng tôi rón rén ngồi xuống cỏ/ khi thấy một con cánh cam màu đỏ óng ánh/ đang bò rất chậm chạp/ trên chiếc lá to mới rụng.//;*

• *Trong thứ ánh sáng lộng lẫy của mặt trời cuối ngày/ và bên màu xanh biếc tràn đầy sức sống của những tán lá,/ chúng tôi tựa vào nhau/ ngắm lũ côn trùng đang tìm đường về nhà/ và thấy thật yêu mến cuộc đời này.//; ...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *đèn dầu* (đèn cháy sáng nhờ dầu hoả, hoặc dầu lạc,...),...

– Bài đọc có thể chia thành bốn đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “cuối ngày...”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “nấu cơm”.

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến “lớn lên?”.

+ Đoạn 4: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Ba mẹ con đi chơi trong rừng. Khung cảnh ở đó được miêu tả rất đẹp và yên tĩnh: Khu rừng yên tĩnh đầy những cây thông to dưới chân một ngọn núi. Mùi nhựa thông đâu đó rất thơm. Và những bông hoa li ti đang bắt đầu cụp cánh vào lúc cuối ngày...*

+ Câu 2: *Người mẹ nhớ lại những kỉ niệm tuổi thơ của mình gắn với những buổi chiều, khi mặt trời bắt đầu lặn, người mẹ từ trên núi về nhà với một bó củi khô trên vai; nhớ ngôi nhà ở chân núi, mái ngói nâu thẫm lẫn giữa những tán cây; nhớ ngọn khói vờ vẩn bay lên từ căn bếp nhỏ; nhớ hình ảnh mẹ của mình từ vườn về và nhóm bếp để nấu cơm.*

+ Câu 3: *Khi thấy con cánh cam, ba mẹ con rón rén ngồi xuống cỏ, thì tham trò chuyện, hai bạn nhỏ lo lắng về chỗ ngủ của con cánh cam khi đêm xuống, ... → Rất yêu thiên nhiên, quan tâm và có ý thức giữ gìn, bảo vệ thiên nhiên.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Người mẹ kể cho các con nghe kí ức đang sống động trong tâm trí mình vì đó là những kí ức tươi đẹp của mẹ, mẹ muốn chia sẻ với các con về cuộc sống tuổi thơ êm đềm và đầy thú vị của mình nơi thung lũng, núi rừng trước đây: không có điện, trường rất xa, chỉ có những cánh rừng mênh mông bất tận,... nhưng bình yên và đầy sức sống.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Ba mẹ con cảm thấy thật yêu mến cuộc đời này vì họ cảm nhận được sức sống mãnh liệt của thiên nhiên, sự yên bình của cảnh vật, ...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *sống động* (đầy sức sống với nhiều dáng vẻ khác nhau với những biểu hiện mạnh mẽ của sự sống),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Cảnh ba mẹ con trong khu rừng vào buổi chiều mùa hè đầy thú vị.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: *Những kỉ ức về tuổi thơ êm đềm của người mẹ vào mỗi buổi chiều.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 3: *Cuộc gặp gỡ với con cánh cam đã gợi ra những kỉ ức tuổi thơ của mẹ.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra ý đoạn 4: *Cảm xúc của ba mẹ con trước cảnh vật tuyệt đẹp của khu rừng lúc cuối ngày* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, đoạn cuối pha chút trầm lắng, gợi nhớ kỉ niệm; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật, từ ngữ miêu tả cảnh vật; giọng con trong sáng, hồn nhiên, thể hiện băn khoăn pha chút lo lắng; giọng mẹ trìu mến, thể hiện tình cảm yêu thương, ...*):

Còn bây giờ,/ chúng tôi rón rén ngồi xuống cỏ/ khi thấy một con cánh cam màu đỏ óng ánh/ đang bò rất chậm chạp/ trên chiếc lá to mới rụng.//

Nhi thì thào hỏi tôi://

– Đêm xuống/ thì nó sẽ ngủ ở đâu hả mẹ?//

– Đâu đó quanh đây/ chắc sẽ có nhà của nó.// – Tôi đáp.//

Và/ tôi kể cho các con nghe/ kỉ ức sống động trong tâm trí mình.// Bọn trẻ luôn muốn biết rằng/ mẹ đã sống thế nào/ trong cái thung lũng không có ánh điện,/ chỉ thấp sáng bằng đèn dầu.// Mẹ đã đi học thế nào/ khi trường ở rất xa?// Mẹ làm thế nào để trở về nhà/ từ những cánh rừng mênh mông/ bất tận?// Thậm chí là/ mẹ đã ăn gì để lớn lên?//

– HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tưởng tượng, kể tiếp cuộc trò chuyện của ba mẹ con.*

- HS hoạt động nhóm 3, thực hiện yêu cầu.
- 1 – 2 nhóm HS đóng vai trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Từ đồng nghĩa

2.1. Hình thành khái niệm từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện vào VBT.

(Gợi ý:

+ *Các từ in đậm trong từng đoạn thơ, đoạn văn có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau.*

+ *Các từ in đậm trong đoạn thơ không thể thay thế cho nhau vì mỗi từ gọi tả các sắc độ khác nhau của màu đỏ khác nhau; các từ in đậm trong mỗi đoạn văn có thể thay thế cho nhau vì nghĩa của các từ đó giống nhau.)*

- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về từ đồng nghĩa.
- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS làm bài vào VBT. (Gợi ý: a. *xinh, xinh xắn, dễ thương, ...*; b. *bao la, bát ngát, mênh mông, ...*; c. *gồ ghề, khắp khênh*; d. *nhỏ bé, nhỏ xíu, tí xíu, ...*)
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Luyện tập tìm từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS hoạt động nhóm theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*, làm bài vào VBT. (Gợi ý:
 - + *trẻ thơ: trẻ em, trẻ nhỏ, thiếu nhi, ...*
 - + *gắn bó: gắn kết, đoàn kết, ...*
 - + *yêu mến: yêu quý, mến yêu, quý mến, ...*)
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Đặt câu với các từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Bài văn tả phong cảnh

3.1. Nhận diện bài văn tả phong cảnh

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn.
- HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện các yêu cầu của BT.

(Gợi ý:

a. Bài văn tả phong cảnh ở quê Bác.

b. Xác định mở bài, thân bài, kết bài của bài văn:

+ Mở bài: Từ đầu đến “đi về quê Bác”.

+ Thân bài: Tiếp theo đến “màu xanh khác nữa”.

+ Kết bài: Còn lại.

c. TG tả từng bộ phận của cảnh.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc đoạn văn.

– HS trả lời câu hỏi trong nhóm nhỏ. (Gợi ý: a. TG tả cảnh biển Cửa Tùng theo trình tự thời gian; b. Trình tự ấy phù hợp vì vào mỗi buổi trong ngày, nước biển cửa Tùng thay đổi màu sắc khác nhau, mang vẻ đẹp riêng.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về bài văn tả phong cảnh.

- 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

3.2. Luyện tập xác định cấu tạo của bài văn tả phong cảnh

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc bài văn.

- HS trao đổi trong nhóm nhỏ, thực hiện các yêu cầu của BT. (Gợi ý:

a. *Xác định mở bài, thân bài, kết bài của bài văn:*

+ *Mở bài: Từ đầu đến “rừng cọ trập trùng”.*

+ *Thân bài: Tiếp theo đến “chẳng ướt đầu”.*

+ *Kết bài: Còn lại.*

b. *Đoạn thứ nhất: Miêu tả đặc điểm của cây cọ, rừng cọ.*

Đoạn thứ hai: Nêu sự gắn bó giữa rừng cọ với TG.)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Ghi lại 1 – 2 hình ảnh em thích trong bài “Chiều dưới chân núi” và lí do em thích mỗi hình ảnh đó.*

– HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà. (Nếu còn thời gian, có thể cho HS ghi chép và chia sẻ kết quả ghi chép tại lớp. HS có thể ghi chép dưới dạng bảng hoặc sơ đồ.)

– HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 2: QUÀ TẶNG MÙA HÈ (tiết 5 – 7, SHS, tr. 15 – 18)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn về một chương trình truyền hình mà em thích; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và hoạt động khởi động.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Chương trình “Tuần phim hoạt hình Việt” trên VTV Go với các thể loại phim đa dạng, hấp dẫn là món quà mùa hè đặc biệt dành tặng cho các em nhỏ.*

3. Kể được về một kỉ niệm đáng nhớ.

4. Biết quan sát, tìm được ý cho bài văn tả cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.

5. Nói được 2 – 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một nhân vật trong phim hoạt hình đã xem.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác.

– Tranh, ảnh giới thiệu chương trình “Tuần phim hoạt hình Việt” trên VTV Go; tên một số phim hoạt hình Việt Nam, VD: *Vàng sáng ấm áp, Ngôi sao xanh kì lạ, Bước qua hai thế giới, Sơn Tinh, Thủy Tinh, ...* (nếu có).

– Tranh, ảnh, video clip về kỉ niệm của em với người thân, bạn bè, thầy cô,...; về cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở (nếu có).

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Tuần phim gồm” đến “kĩ năng sống”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một chương trình truyền hình mà em thích dựa vào gợi ý:

+ Tên chương trình (Gợi ý: *Giọng hát Việt nhí, Cuốn sách của em, ...*)

+ Đơn vị tổ chức (Gợi ý: *Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), kênh HTV7, ...*)

+ Mục đích (Gợi ý: *Phát hiện, bồi dưỡng tài năng ca hát nhí; giới thiệu những cuốn sách đáng đọc, ...*)

+ ...

– HS đọc tên bài, liên hệ với nội dung khởi động → phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Quà tặng mùa hè”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Quà tặng mùa hè

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV hoặc HS đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ thông tin về chương trình, tên phim, đặc điểm của các bộ phim, ý nghĩa của chương trình, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *VTV Go* (đọc là vê-tê-vê gô),...

+ Luyện đọc một số câu dài:

• Đây là món quà mùa hè đặc biệt/ mà Đài Truyền hình Việt Nam/ phối hợp cùng Hãng phim Hoạt hình Việt Nam/ thực hiện để dành tặng cho các em nhỏ.//;

• *Chuỗi phim được công chiếu/ tạo nên một “thư viện hình ảnh” sống động/ vừa mang tính giải trí,/ vừa đem lại những bài học giáo dục có ý nghĩa cho trẻ em./;...*

+ Luyện đọc thông tin dạng bảng.

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *phim 2D* (phim sử dụng một chuỗi liên tiếp các hình ảnh hay bức tranh được vẽ và thể hiện trên mặt phẳng hai chiều để tạo ra một chuyển động của nhân vật), *phim 3D* (phim được thiết kế ba chiều với hình ảnh được dựng lên sống động như thật với sự trợ giúp của các phần mềm đồ hoạ vi tính), *phim cắt giấy vi tính* (phim được thiết kế với các nhân vật làm bằng giấy, sử dụng các phần mềm máy tính để tạo ra một chuyển động của nhân vật), *tổng hợp* (nghĩa trong bài: bao gồm nhiều loại phim),...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “dành tặng cho các em nhỏ”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “kỹ năng sống”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Vào mùa hè, Đài Truyền hình Việt Nam phối hợp cùng Hãng phim Hoạt hình Việt Nam dành tặng cho các em nhỏ “Tuần phim hoạt hình Việt”.*

+ Câu 2: *Các thể loại phim hoạt hình được công chiếu: 2D, 3D, cắt giấy vi tính với thời lượng phim ngắn 10 phút, phim dài 20 đến 30 phút, phim nhiều tập.*

+ Câu 3: HS ghi chép dựa vào lịch chiếu trong bài đọc. Khuyến khích các em ghi lại bằng bảng đơn giản, VD:

Chủ đề	Ngày	Giờ
Phim giả tưởng	01/6	Sáng từ 10 giờ đến 10 giờ 40 phút. Tối từ 20 giờ đến 20 giờ 40 phút.
...	...	...

+ Câu 4: HS chọn một bộ phim hoạt hình dành cho thiếu nhi mà em thích và nói về ý nghĩa của một bộ phim đó, VD: *Phim “Sơn Tinh, Thủy Tinh” nói lên ước mơ chinh phục thiên nhiên của con người;...*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Thông báo “Tuần phim hoạt hình Việt” trên VTV Go.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Thông tin về lịch chiếu và các thể loại phim được công chiếu.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Ý nghĩa của các bộ phim được công chiếu → rút ra nội dung bài đọc.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, rõ ràng, rành mạch; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ thời gian công chiếu, thể loại phim được công chiếu, ...*):

Tuần phim gồm 50 bộ phim/ thuộc các thể loại 2D,/ 3D,/ cắt giấy vi tính/ với thời lượng phim ngắn 10 phút,/ phim dài 20 đến 30 phút,/ phim nhiều tập.// Chương trình được phát sóng vào các khung giờ://

Sáng/ từ 10 giờ đến 10 giờ 40 phút.//

Tối/ từ 20 giờ đến 20 giờ 40 phút.//

Chủ đề phim đa dạng,/ thay đổi mỗi ngày.//

Ngày	Chủ đề	Ngày	Chủ đề
01/6	Phim giả tưởng	06/6	Chùm phim tổng hợp 2
02/6	Phim viễn tưởng	07/6	Phim về đề tài môi trường
03/6	Chùm phim tổng hợp 1	08/6	Chùm phim tổng hợp 3
04/6	Phim sự tích, cổ tích	09/6	Phim về đề tài gia đình
05/6	Phim lịch sử	10/6	Phim về đề tài cuộc sống hiện đại, kỹ năng sống

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Kể về một kỉ niệm đáng nhớ

2.1. Kể về một kỉ niệm

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý.

– HS chia sẻ kỉ niệm trong nhóm nhỏ dựa vào gợi ý:
+ Em chọn chia sẻ kỉ niệm nào? (Gợi ý: *Kỉ niệm với người thân hoặc bạn bè, thầy cô, ...*)

+ Kể lại kỉ niệm đó:

- Giới thiệu kỉ niệm: thời gian, địa điểm,...
- Kể lại kỉ niệm: mở đầu, diễn biến, kết thúc.
- Suy nghĩ của em.

Lưu ý: HS có thể sử dụng tranh, ảnh, video clip đã chuẩn bị để nội dung kể thêm sinh động.

– 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp, HS khác lắng nghe, quan sát và nhận xét phần kể của bạn theo các tiêu chí:

+ Nội dung sâu sắc.

+ Hình thức hấp dẫn.

+ Giọng kể truyền cảm.

+ ?

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Bình chọn bài nói

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS thảo luận nhóm để bình chọn bài nói yêu thích dựa vào các tiêu chí gợi ý.

– Các nhóm chia sẻ kết quả bình chọn trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Quan sát, tìm ý cho bài văn tả phong cảnh

3.1. Nhận xét về cách quan sát trong bài văn tả phong cảnh

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn.

– HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi a, b và chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ.

(Gợi ý:

a. *Bài văn tả cảnh trăng lên.*

b. *Khi mới lên, mặt trăng tròn, to và đỏ; khi lên cao, mặt trăng nhỏ lại, sáng vàng vặc.)*

– HS đọc lại bài văn, quan sát sơ đồ gợi ý ở câu hỏi c, trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, hoàn thành sơ đồ.

(Gợi ý:

+ *Khi trăng mới lên:*

- *Trăng: tròn, to và đỏ.*
- *Mây: sợi, vắt ngang qua, mảnh dần rồi đứt hẳn.*
- *Gió: hiu hiu, thoảng những hương thơm ngát.*

+ *Khi trăng lên cao:*

- *Trời: trong vắt, thăm thẳm và cao.*
- *Trăng: nhỏ, sáng vàng vạc, ánh trăng trong chảy khắp cành cây, kẽ lá, tràn ngập trên con đường trắng xoá.*
- *Bức tường hoa: sáng trắng lên.*
- *Lá lựu: dày và nhỏ, lấp lánh như thủy tinh, lá rung động, lấp lánh ánh trăng như ánh nước.)*

– HS trao đổi, trả lời câu hỏi d, e và chia sẻ kết quả trong nhóm đôi.

(Gợi ý:

d. *TG quan sát cảnh vật bằng thị giác và khứu giác.*

e. *Hình ảnh so sánh: lá lựu dày và nhỏ, lấp lánh như thủy tinh; lá rung động lấp lánh ánh trăng như ánh nước → gợi tả vẻ đẹp của sự vật dưới ánh trăng.)*

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Thực hành quan sát cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở

– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý.

– HS làm bài vào VBT (có thể sử dụng tranh, ảnh, video clip đã chuẩn bị để quan sát. GV khuyến khích HS chọn trình tự quan sát phù hợp, mở rộng, phát triển ý, không gò ép HS).

– HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý để hoàn thiện phần ghi chép.

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Nói 2 – 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một nhân vật trong phim hoạt hình đã xem.*

– HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà, chia sẻ với bạn hoặc người thân: *Nói tên phim hoạt hình Việt Nam mà em thích, nói 2 – 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc của em với một nhân vật trong phim hoạt hình đã xem.*

– HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 3: TIẾNG GÀ TRƯA (tiết 8 – 11, SHS, tr. 19 – 24)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài và tranh minh họa.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Tiếng gà người cháu nghe thấy trên đường hành quân đã gợi nhớ về những kỉ niệm tuổi thơ tươi đẹp, êm đềm bên bà. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Ca ngợi tình cảm bà cháu chan chứa yêu thương và những kỉ niệm đẹp, hạnh phúc của tuổi thơ được sống bên bà. Học thuộc lòng được bài thơ.*

– Tìm đọc được một truyện viết về trải nghiệm thú vị của thiếu nhi, một giấc mơ hoặc một ước mơ đẹp của thiếu nhi hoặc truyện khoa học viễn tưởng viết cho thiếu nhi, viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về chi tiết mà em thích nhất khi đọc truyện, giải thích được lí do em thích.

3. Luyện tập nhận diện và sử dụng được từ đồng nghĩa.

4. Lập được dàn ý cho bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.

5. Trao đổi được với bạn về cảm nhận của TG đối với sự thay đổi của mỗi sự vật trong đoạn thơ khi nghe tiếng gà.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Audio tiếng gà; tranh, ảnh, video clip về cảnh bà cháu ở vùng nông thôn; quả na, bụi tre, mầm măng, buồng chuối chín, lúa uốn câu, gà mái mơ, gà mái vàng (nếu có).

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.

– Danh sách gợi ý truyện đọc thuộc chủ điểm “Khung trời tuổi thơ”, hướng dẫn tìm kiếm truyện trên internet.

– HS mang tới lớp truyện phù hợp với chủ điểm “Khung trời tuổi thơ” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

– Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát tranh minh hoạ bài đọc, đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Tiếng gà trưa”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Tiếng gà trưa

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: Toàn bài đọc với giọng trong sáng, vui tươi, trều mến; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ âm thanh tiếng gà, hoạt động, cảm xúc, vật và đặc điểm của vật được nhắc đến trong bài thơ,...)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *cục tác cục ta, xao động, ...*

+ Luyện đọc một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Nghe/ xao động nắng trưa/

Nghe/ bàn chân đỡ mỏi/

Nghe/ gọi về tuổi thơ.//;

Cháu/ chiến đấu hôm nay/

Vì/ lòng yêu Tổ quốc/

Vì/ xóm làng thân thuộc/

Bà ơi,/ cũng vì bà/

Vì/ tiếng gà cục tác/

Ồ trứng hồng/ tuổi thơ.//; ...

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai, thứ ba.

+ Đoạn 3: Khổ thơ cuối.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: Âm thanh tiếng gà trong khổ thơ đầu đã gợi cho anh chiến sĩ nhớ về những kỉ niệm tuổi thơ với tình cảm xao xuyến, xúc động; khiến anh chiến sĩ cảm thấy ánh nắng buổi trưa như xao động, khiến bao mệt mỏi tan biến.

+ Câu 2: Các chi tiết, hình ảnh nói về những kỉ niệm của thời thơ ấu mà tiếng gà trưa gợi lại: ổ rom – hồng những trứng, con gà mái mơ – khắp mình hoa đốm trắng, con gà mái vàng – lông vàng như màu nắng, giấc mơ – hồng sắc trứng.

+ Câu 3: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: Tiếng gà có ý nghĩa đối với anh chiến sĩ vì đây là âm thanh gắn liền với tuổi thơ của anh, gợi cho anh nhớ đến hình ảnh của bà kính yêu,...

+ Câu 4: Dòng thơ “Tiếng gà trưa” được lặp lại nhiều lần có tác dụng khẳng định: Tiếng gà trưa gắn với tuổi thơ của TG; tiếng gà mang đến hạnh phúc, niềm tin, ước mơ về một ngày mai tươi đẹp; tiếng gà còn mang đến niềm vui và sức mạnh cho cháu – anh chiến sĩ trẻ trên đường hành quân.

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: nghe (nghĩa trong bài: cảm thấy, nhận thấy), xao động (ý trong bài nói về trạng thái tình cảm xúc động), giấc ngủ hồng sắc trứng (vừa gợi màu sắc của quả trứng vừa gợi liên tưởng về tương lai tốt đẹp),...

Lưu ý: Tuỳ thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: Tiếng gà trưa gợi nhớ về tuổi thơ tươi đẹp.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2 → rút ra ý đoạn 2: Những kỉ niệm êm đềm, thân thương thời thơ ấu mà tiếng gà trưa gợi lại.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: Tiếng gà trưa mang lại hạnh phúc, niềm tin, ước mơ về một ngày mai tươi đẹp, hạnh phúc đang đến của anh chiến sĩ trẻ.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài thơ. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc trong trẻo, tươi vui, đoạn sau hơi trầm – thể hiện suy tư; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc và hoạt động của nhân vật, ...*):

Tiếng gà trưa/

Ô rơm/ hồng những trứng/

Này/ con gà mái mơ/

Khắp mình/ hoa đốm trắng/

Này/ con gà mái vàng/

Lông/ óng như màu nắng./

Tiếng gà trưa/

Mang/ bao nhiêu hạnh phúc/

Đêm/ cháu về nằm mơ/

Giấc ngủ/ hồng sắc trứng./

– HS luyện đọc thuộc lòng bài thơ trong nhóm, trước lớp (có thể thực hiện sau giờ học).

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách

Chủ đề Khung trời tuổi thơ

1.2.1. Tìm đọc truyện

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện phù hợp với chủ đề “Khung trời tuổi thơ” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet truyện:

+ Kể về một trải nghiệm thú vị (Gợi ý: *Đất rừng phương Nam* – Đoàn Giỏi, *Những bí mật trong* Tuần thiên nhiên – Phan Hà Anh, *Cây bánh tét của người cô* – Phạm Hồ, *Con mèo và chú bé lười* – Nguyễn Quang Sáng,...)

+ Nói về một giấc mơ hoặc một ước mơ đẹp (Gợi ý: *A-lít-xơ ở xứ sở thần tiên* – Lu-ít Ke-rôn, *Lời ước dưới trăng* – Phạm Thị Kim Nường, *Những giấc mơ xanh* – Nguyễn Công Kiệt,...)

+ Khoa học viễn tưởng (Gợi ý: *Hai vạn dặm dưới đáy biển* – Giuyn Véc-nơ, *Tới Hệ Mặt Trời xa lạ* – Lê Toán, *Tiền của thần cây* – Võ Diệu Thanh, *Chuột chít và hai chiếc giày đến từ xứ Tít Mù Tắp* – Vũ Thị Thanh Tâm, *Quả trứng vương* – Viêt Linh,...)

+ ?

– HS chuẩn bị truyện để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. *Viết Nhật kí đọc sách*

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc truyện: tên truyện và tên TG, tên nhân vật; các sự việc chính; ý nghĩa của truyện; chi tiết mà em thích nhất khi đọc truyện, lí do em thích,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung truyện.

1.2.3. *Chia sẻ về truyện đã đọc*

– HS đọc truyện hoặc trao đổi truyện cho bạn trong nhóm để cùng đọc.

– HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

– HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về chi tiết mà em thích nhất khi đọc truyện, lí do em thích; ngoài ra, HS cũng có thể chia sẻ thêm về nhân vật, tình tiết em thích,...

– HS bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

1.2.4. *Ghi chép lại các sự việc chính*

HS có thể ghi chép một vài thông tin chính về một truyện được bạn chia sẻ mà em thích: tên truyện và tên TG, tên nhân vật, các sự việc chính, ý nghĩa của truyện,...

1.2.5. *Đọc một truyện được bạn chia sẻ mà em thích*

– HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc truyện.

– HS thực hành đọc truyện ở nhà.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về từ đồng nghĩa

2.1. *Tìm từ đồng nghĩa*

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các đoạn thơ.

– HS thảo luận nhóm đôi, tìm các từ đồng nghĩa. (Đáp án: *mẹ, bầm, má.*)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS hoạt động nhóm 4 theo kỹ thuật *Khăn trải bàn*, tìm thêm 2 – 3 từ đồng nghĩa với các từ vừa tìm được ở yêu cầu thứ nhất. (Gợi ý: *u, mẹ, bu, mẹ, ...*)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS làm bài cá nhân vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ.

(Gợi ý:

- + *Từ dùng lặp lại là: a. bát ngát; b. giúp đỡ; c. quê hương.*
- + *Thay “bát ngát” bằng “bao la/ mênh mông/...”; thay “giúp đỡ” bằng “chia sẻ/ tương trợ/ hỗ trợ/...”; thay “quê hương” bằng “quê nhà/ quê quán/ quê cha đất tổ/...”.*
- + *Sau khi thay thế từ ngữ, đoạn văn tránh được việc lặp lại từ ngữ, giúp cho việc diễn đạt trở nên cụ thể hơn, sinh động hơn, ...)*

- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Tìm và nêu tác dụng của việc sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc các đoạn thơ, câu văn.
- HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện BT. (Gợi ý: a. *giá rét – lạnh buốt*; b. *bé – bông*; c. *nơi – chốn*; *quả – trái* → *Sử dụng từ ngữ đồng nghĩa trong đoạn thơ, câu văn nhằm tránh được việc lặp lại từ ngữ một cách đơn điệu, giúp cho việc diễn đạt trở nên cụ thể, sinh động hơn, ...)*

- 1 – 2 nhóm HS trình bày kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết câu có sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS làm bài vào VBT.
- HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi và nhóm nhỏ, chỉ ra các từ đồng nghĩa đã sử dụng; nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn.
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh

3.1. Tìm hiểu đề bài

HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài:

- Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: *Tả phong cảnh.*)
- Em cần tả cảnh gì? (Đáp án: *Một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.*)

3.2. Lập dàn ý cho bài văn

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS đọc lại BT 2 tr. 18 (*Tiếng Việt 5, tập một*) kết hợp quan sát, đọc sơ đồ gợi ý.
- HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp, lưu ý HS có thể ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ.

(Gợi ý:

+ *Mở bài: Giới thiệu cảnh chọn tả:*

• *Cảnh gì? Ở đâu? (VD: Cảnh đồi núi, dòng sông, biển cả,... ở quê hương em, nơi em ở)*

• *Vào thời điểm nào? (VD: bình minh, hoàng hôn,...)*

• ?

+ *Thân bài: Tả cảnh: HS có thể chọn tả từng đặc điểm nổi bật của cảnh hoặc tả sự thay đổi của cảnh theo thời gian.*

Lưu ý: GV nhắc HS:

(1) *Xác định trình tự miêu tả phù hợp với cảnh chọn tả.*

(2) *Dùng từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh, nhân hoá để làm nổi bật vẻ đẹp của cảnh.*

(3) *Dùng từ, cụm từ khi nêu các ý. GV khuyến khích HS mở rộng ý dựa vào những điều quan sát được, không gò ép.*

+ *Kết bài: Nêu nhận xét, tình cảm, cảm xúc, ... về cảnh chọn tả hoặc liên hệ thực tế.)*

– HS đọc lại, chỉnh sửa, bổ sung cho dàn ý (nếu cần).

3.3. Chia sẻ dàn ý trong nhóm

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS chia sẻ trong nhóm nhỏ theo kỹ thuật *Phòng tranh*, nghe bạn nhận xét để hoàn chỉnh dàn ý.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Trao đổi với bạn: Tác giả cảm nhận mỗi sự vật trong đoạn thơ sau thay đổi như thế nào khi nghe tiếng gà?*

– HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu của hoạt động. (Gợi ý: *Quả na mở mắt, hàng tre đâm măng, buồng chuối chín, hạt đậu nảy mầm, bông lúa chín uốn câu.*)

Lưu ý: GV có thể cho HS quan sát tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị.)

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 4: RÉT NGỌT (tiết 12 – 14, SHS, tr. 25 – 28)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn về một món ăn mà em nhớ nhất; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Những món quà quê bình dị và tình yêu của bà giúp cho những ngày đông rét mướt trở nên ấm áp. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Tình cảm chan chứa yêu thương của bà đã đem đến cho các cháu một tuổi thơ ngọt ngào, đầy ý nghĩa.*

3. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa.

4. Viết được đoạn mở bài cho bài văn tả phong cảnh.

5. Tìm được một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao về tình cảm gia đình.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh, video clip về cách làm chè lam (nếu có).

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Mùa đông” đến hết.

– Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một món ăn mà em nhớ nhất (Gợi ý: *Món cháo trứng gà tía tô do bà nấu cho khi em bị cảm, món bánh ngọt mẹ*

tự tay làm vào ngày sinh nhật em,...) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Rét ngọt”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Rét ngọt

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ nói về cách làm, đặc điểm của các món ăn, hoạt động, trạng thái của con người,...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *sảy, vỏ trấu, bỏng nếp, giã dổi, phen, rền,...*

+ Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

• *Bỏng nếp xay mịn,/ mật mía với mạch nha trộn nước/ nấu trên lửa liu riu đến khi sánh lại,/ trộn đều với gừng nướng chín thái mỏng,/ thảo quả tán nhỏ/ cùng với lạc rang giã dổi.//;*

• *Ăn một miếng chè lam bà làm,/ cảm nhận vị dẻo,/ dai của bột nếp,/ vị ngọt ngào của mật,/ một chút cay cay của gừng,/ một chút bùi bùi của lạc/ mà thấy cả tháng Chạp xôn xao,/ rét bỗng dịu lại.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *nếp* nhưng (loại lúa nếp thường được gieo trồng ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ; cho hạt gạo to, tròn, màu trắng đục), *sảy* (dùng met, nia làm sạch chất hạt bằng động tác hất nhẹ cho hạt lép, rác bắn bay về phía trước, *mảy* hạt (hạt to và chắc),...

– Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “bỗng dịu lại”.

+ Đoạn 2: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Những chi tiết cho thấy món chè lam được bà làm rất công phu: Chọn thóc nếp cái hoa vàng hoặc nếp nhưng đem rang với cát cho đến khi nổ bỏng xoe hoa rồi sảy*

lại; bỏng nếp xay mịn, mật mía với mạch nha trộn nước nấu trên lửa liu riu đến khi sánh lại, trộn đều với gừng nướng chín thái mỏng, thảo quả tán nhỏ cùng với lạc rang giã dối; nhào kĩ chè lam, chia ra từng phen bánh, lăn cho rền và phẳng, phủ bên ngoài một lớp bột mỏng để chè lam khô.

+ Câu 2: *Các bạn nhỏ cảm nhận được vị dẻo, dai của bột nếp, vị ngọt ngào của mật, vị cay của gừng, vị bùi bùi của lạc khi ăn món chè lam của bà. Nhờ vậy, cái rét tháng Chạp bỗng dịu lại.*

+ Câu 3: *Nói “bữa tiệc cánh đồng” trở nên rất thịnh soạn vì ngoài những món ăn của bà, các bạn nhỏ còn được nhận những món quà của người lớn đi làm đồng ngang qua cho – cũng chính là tình cảm mộc mạc của người dân quê với mấy bà cháu.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Những việc làm của bà giúp tuổi thơ của các bạn nhỏ thêm sinh động, đáng nhớ; những việc làm ấy trở thành kỉ niệm đẹp về tuổi thơ êm đềm của các cháu;...*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *nổ bỏng* (rang hạt ngũ cốc cho phồng và nở bung ra thành món ăn vặt – món bỏng gạo, bỏng ngô...), *giã dối* (nghĩa trong bài: giã không kĩ, không nhuyễn), *phen* (nghĩa trong bài: từng miếng nhỏ hình chữ nhật đều nhau), *rền* (dẻo mềm đều, do được nấu kĩ),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Món chè lam của bà được làm rất công phu, đậm đà hương vị.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3, 4 → rút ra ý đoạn 2: *Niềm vui của các bạn nhỏ với “bữa tiệc cánh đồng” → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ tả đặc điểm, hoạt động, trạng thái của con người; giọng bà âu yếm, giọng các cháu hào hứng, vui tươi,...*):

Mùa đông ngọt chè lam,/ ngọt khoai lang nướng,/ mật dừa nào cũng lem nhem/ như mọc râu mèo,/ tiếng cười giòn/ vỡ vang cả cánh đồng.// Người lớn đi làm đồng ngang qua/ ngủ chân cười theo,/ vui vẻ cho thêm mấy bắp ngô nếp mẩy hạt,/ mấy củ khoai mới dỡ.// Góc rạ được gom về,/ đống lửa to hơn,/ “bữa tiệc cánh đồng” trở nên rất thịnh soạn.// Bà nhìn mặt các cháu lem nhem khỏi bụi ra rơm,/ cười hỏi:// “Rét có ngọt không?”.// Các cháu đồng thanh thật to:// “Ngọt,/ ngọt lắm cơ/ bà ạ!”.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Luyện tập về từ đồng nghĩa

2.1. Tìm và đặt câu với từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 1a.
- HS tìm từ trong nhóm nhỏ theo kĩ thuật *Khăn trải bàn*.

(Gợi ý:

- + *Chỉ hương thơm: thoang thoảng, dịu dịu, ngan ngát, nồng nàn, ngào ngạt, ...*
- + *Chỉ không gian rộng lớn: mênh mông, bao la, rộng lớn, bát ngát, ...)*

- HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS xác định yêu cầu của BT 1b.
- HS hoạt động nhóm đôi, nói câu trong nhóm, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- HS làm bài vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Luyện tập sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc đoạn văn.
- HS làm bài cá nhân vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý. (Đáp án: *mênh mông, kéo kẹt, kéo, đầy ắp, giản dị.*)
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Luyện tập nhận diện và sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc đoạn văn.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

- a. *vàng xuộm, vàng hoe, vàng lịm, vàng ối, vàng tươi.*
- b. *Các từ đồng nghĩa tìm được ở BT a không thể thay thế cho nhau, vì mỗi từ gợi tả một sắc độ khác nhau của màu vàng, chỉ phù hợp với sự vật được miêu tả.)*
- 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết câu có sử dụng từ đồng nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS hoạt động nhóm nhỏ, nói câu trong nhóm và nghe bạn nhận xét, chỉnh sửa.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đoạn mở bài cho bài văn tả phong cảnh

3.1. Nhận diện đoạn mở bài trực tiếp và đoạn mở bài gián tiếp

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và BT 2.
- HS hoạt động nhóm 4, đọc từng đề bài và hai đoạn mở bài tương ứng với từng đề bài rồi xếp vào nhóm thích hợp.

(Đáp án:

a. Nhóm 1: Đoạn văn ②; nhóm 2: Đoạn văn ①.

b. Nhóm 1: Đoạn văn ①; nhóm 2: Đoạn văn ②.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS trả lời một số câu hỏi của GV:

+ Vì sao em xếp được đoạn văn vào nhóm? (Gợi ý: Dựa vào nội dung đoạn văn để xếp vào đúng nhóm: nhóm 1 giới thiệu chung về cảnh; nhóm 2 nêu các sự vật, hiện tượng có liên quan để dẫn vào giới thiệu cảnh.)

+ Theo em, có những cách nào để viết đoạn mở bài trong bài văn tả phong cảnh?

- HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách mở bài.

Lưu ý: GV chỉ cần nhắc lại, không đóng khung ghi nhớ và cũng không yêu cầu HS học thuộc ghi nhớ.

3.2. Thực hành viết đoạn mở bài

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS viết đoạn mở cho bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở theo một trong hai cách dựa vào gợi ý vào VBT.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Tìm thành ngữ, tục ngữ, ca dao về tình cảm gia đình.*

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ, thi tìm các câu thành ngữ, tục ngữ, ca dao về tình cảm gia đình.

(Gợi ý: *Công cha như núi Thái Sơn/ Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra; Chị ngã em nâng; Một giọt máu đào hơn ao nước lã; Lên non mới biết non cao/ Nuôi con mới biết công lao mẹ, thầy;...*)

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 5: QUÀ SINH NHẬT (tiết 15 – 18, SHS, tr. 29 – 32)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được 2 – 3 câu về một việc làm có ý nghĩa của một người bạn dành cho em; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Món quà sinh nhật là tấm lòng quý mến, trân trọng của Trinh dành cho Trang.* Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Tình cảm đáng quý giữa những người bạn chơi với nhau từ thuở bé.*

3. Nhận diện và biết cách sử dụng từ đa nghĩa.

4. Viết được đoạn văn tả đặc điểm nổi bật của cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.

5. Đóng vai nhân vật Trang trong bài “Quà sinh nhật”, nói được lời cảm ơn Trinh khi nhận được món quà đặc biệt.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGK.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Tranh, ảnh về cây ổi găng, hoa ổi găng; rừng núi vào buổi sáng; Sa Pa vào mùa hè;... (nếu có).

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Và bây giờ” đến hết.

– Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói 2 – 3 câu về một việc làm có ý nghĩa của một người bạn dành cho em → xem tranh minh hoạ bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Quà sinh nhật”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Quà sinh nhật

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Đọc phân biệt giọng nhân vật: giọng người dẫn chuyện thông thả, chậm rãi, giọng Trinh dịu dàng, giọng nhân vật tôi vui vẻ, xúc động, ...; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả sự vật, cảm xúc của nhân vật; ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *lặng mây, xuýt xoa, găng, ...*

+ Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

• *Một,/ hai,/ ba...// sáu,/ bảy,/ tám.../ phải hơn chục hoa là ít...// Mà lại nở chum vào một đầu cành/ mới thích chứ!//;*

• *Nó/ là cả một tâm lòng trân trọng của Trinh/ đã áp ủ/ nâng niu,/ hằng nghĩ đến bao ngày nay...//;*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó (nếu có).

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “góc ao đầy!”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “sự bất ngờ”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Trình tặng bạn mấy bông hồng vàng và một cành ổi còn nguyên cả lá và lúc liu đến năm, sáu quả. Chi tiết cho thấy Trình rất coi trọng món quà: thận trọng lấy ra mấy bông hồng vàng, khẽ nâng cành ổi.*

+ Câu 2: *Khi thấy món quà của Trình:*

- *Các bạn: xúm lại, trằm trồ nhìn ngắm, xuýt xoa → thích thú, hâm mộ.*
- *Nhân vật tôi: “à” lên một tiếng, mi mắt nong nóng, nâng chùm ổi trên tay, giọng run run → cảm động.*

+ Câu 3: Khuyến khích HS kể tóm tắt bằng lời của mình, tham khảo trình tự kể: *Trình phát hiện ra chùm ổi đặc biệt → dự định để dành tặng sinh nhật bạn → khoe với bạn chùm ổi đặc biệt → hái tặng bạn vào ngày sinh nhật.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Nói món quà “là cả một tấm lòng trân trọng của Trình đã ấp ủ nâng niu” vì Trình ấp ủ dự định tặng món quà cho nhân vật tôi từ khi cành ổi còn là một chùm hoa. Đó là chùm hoa rất đặc biệt của một cây ổi có hương vị đặc biệt. Dự định ấy được ấp ủ qua bao ngày tháng, từ khi còn là hoa đến khi kết thành quả chín.*

+ Câu 5: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Học được cách chọn và tặng quà cho bạn bè và người thân – món quà thể hiện tình cảm, tấm lòng của người tặng; học được cách ứng xử phù hợp khi nhận quà; ...*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1: *Những món quà dễ thương mà Trình dành tặng cho bạn của mình.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 2: *Dự định bí mật của Trình khi thấy Trang chăm chú nhìn cành ổi.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Tình bạn đẹp giữa Trình và Trang.*
→ rút ra nội dung bài đọc.

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 5 → rút ra ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc của nhân vật và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc chậm rãi, thông thả, giọng nhân vật tôi cảm động, run run; nhấn giọng ở những từ ngữ bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của nhân vật, ...*):

Và bây giờ thì chùm ổi đã chín vàng trên hai bàn tay tôi.// Nâng chùm ổi trên tay,/ giọng tôi run run://

– Dự định Trinh nói dao ấy/ là chuyên này đây phải không?//

Trinh vẫn lặng lẽ cười,/ chỉ gật đầu không nói.// Cảm ơn Trinh quá.// Món quà Trinh mang đến cho tôi/ mới quý giá làm sao!// Nó/ là cả một tấm lòng trân trọng của Trinh/ đã áp ủ/ nâng niu,/ hằng nghĩ đến bao ngày nay.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.

– HS khá, giỏi đọc cả bài. Nếu còn thời gian, có thể đọc phân vai toàn bài.

1.4. Luyện tập mở rộng

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đặt mình vào vai nhân vật tôi, ghi lại cảm xúc khi nhận được món quà của Trinh.*

– HS trao đổi trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý.

– HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp.

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Từ đa nghĩa

2.1. Hình thành khái niệm từ đa nghĩa

– HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các nghĩa của từ “mũi”.

– HS thảo luận nhóm đôi, thực hiện yêu cầu BT. (Gợi ý:

a. Từ “mũi” được trình bày ba nghĩa:

+ Bộ phận nhô lên ở giữa mặt người và động vật có xương sống, dùng để thở và ngửi.

+ Bộ phận có đầu nhọn, nhô ra phía trước của một số vật.

+ Mỏm đất nhô ra biển.

b. Nghĩa chỉ “bộ phận nhô lên ở giữa mặt người và động vật có xương sống, dùng để thở và ngửi” được trình bày đầu tiên.

c. Nghĩa 2 và 3 giống nghĩa 1 ở chỗ đều có ý “nhô ra phía trước”.)

– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, rút ra những điều em cần ghi nhớ về từ đa nghĩa.

– 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.

2.2. Tìm các nghĩa của từ đa nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

a. Từ “cửa” trong đoạn thơ thứ nhất được dùng với nghĩa gốc, trong đoạn thơ thứ hai, thứ ba được dùng với nghĩa chuyển.

b. Từ “ngọn” đoạn thơ thứ nhất và thứ ba được dùng với nghĩa chuyển, trong đoạn thơ thứ hai được dùng với nghĩa gốc.)

- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Đặt câu với từ đa nghĩa

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS thảo luận nhóm đôi, tìm các từ ngữ tương ứng với mỗi nghĩa. (Gợi ý:

a. Lá:

+ chiếc lá, nón lá, vạch lá tìm sâu, ...

+ lá thư, lá bài, lá cờ, ...

b. Đầu:

+ cái đầu, đầu em bé, ...

+ đầu tàu, đầu máy bay, đầu tử, ...)

- HS chơi trò chơi *Tiếp sức* để chữa bài trước lớp.
- HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, chỉnh sửa, mở rộng câu.
- HS làm bài cá nhân vào VBT.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết đoạn văn cho bài văn tả phong cảnh

3.1. Tìm hiểu cách viết đoạn văn tả đặc điểm nổi bật của cảnh

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các đoạn văn.
- HS thảo luận trong nhóm nhỏ theo kỹ thuật *Mảnh ghép*:
 - + 1/2 số nhóm trong lớp tìm hiểu về đoạn văn a.

(Gợi ý:

- *Đoạn văn tả cảnh núi rừng vào lúc tảng sáng.*

- *TG chọn tả các sự vật: vòm trời: cao, xanh mênh mông; gió: tràn xuống, mát rượi; khoảng trời sau dãy núi phía đông: ửng đỏ; nắng: hắt chéo qua thung lũng, trải thành vệt sáng màu lá mạ tươi tắn; cây lim: trổ hoa vàng; cây vải thiều: đỏ ối những quả.)*

+ 1/2 số nhóm trong lớp tìm hiểu về đoạn văn b.

(Gợi ý:

- *Đoạn văn tả cảnh ở Sa Pa vào mùa hè.*

- *TG quan sát cảnh vật bằng nhiều giác quan:*

→ *Thị giác: mây – vén lên, sóng núi – nhấp nhô vô tận, rừng – sáng xanh lên trong nắng, hoa – tung bừng nở, suối – dào dạt nước, búp hoa – xoè nở, cảnh vật – biếc xanh.*

→ *Thính giác: sấm động, suối rì rào, thác xối, chim mở đàn hợp xướng, mưa ồn ào.*

→ *Xúc giác: không khí trong lành, mát rượi.*

- *Sử dụng nhiều hình ảnh nhân hoá: màn mây vén lên, chim mở đàn hợp xướng, mưa ồn ào, núi rừng cỏ cây tắm gội,... → khung cảnh thiên nhiên trở nên sinh động.)*

– 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

3.2. Viết đoạn văn tả đặc điểm nổi bật của cảnh

– HS xác định yêu cầu của BT 2.

– HS trả lời một số câu hỏi của GV:

+ Em chọn tả cảnh gì? Ở đâu? Vào thời điểm nào?

+ Vào thời điểm đó, cảnh có những đặc điểm gì nổi bật?

+ ?

– HS làm bài cá nhân vào VBT.

– HS xác định yêu cầu của BT 3 và tự thực hiện.

3.3. Chia sẻ những điều em thích trong đoạn văn đã viết

– HS xác định yêu cầu của BT 4.

– HS hoạt động nhóm đôi, chia sẻ những điều em thích ở đoạn văn đã viết, nghe bạn nhận xét, góp ý để hoàn chỉnh đoạn văn.

– 1 – 2 HS chia sẻ đoạn văn trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Đóng vai nhân vật Trang trong bài “Quà sinh nhật” để nói lời cảm ơn Trinh khi nhận được món quà đặc biệt.*
- HS nhớ lại nội dung bài đọc “Quà sinh nhật” để chuẩn bị ý kiến trao đổi.
- HS trao đổi trong nhóm đôi, thực hiện yêu cầu.
- 2 – 3 nhóm HS thực hiện đóng vai trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.

BÀI 6: TIẾNG VƯỜN (tiết 19 – 21, SHS, tr. 33 – 36)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được 2 – 3 câu về vẻ đẹp của một khu vườn mà em biết; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cây cối đâm chồi nảy lộc và tiếng dế, tiếng chim đã làm cho khu vườn vào xuân tràn đầy sức sống. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Thiên nhiên mùa xuân tươi mới, trong trẻo với những vẻ đẹp độc đáo.*
3. Giới thiệu được về một chương trình truyền hình hoặc một hoạt động dành cho thiếu nhi.
4. Viết được đoạn kết bài cho bài văn tả phong cảnh.
5. Ghi lại được 1 – 2 hình ảnh hoặc từ ngữ gợi tả âm thanh mà em thích trong bài đọc “Tiếng vườn” và lí do em thích.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Tranh, ảnh về khu vườn, cây muỗm, hoa nhài, hoa bưởi, lá chè non, tán xoan,... lúc vào xuân (nếu có).
- Audio tiếng dế, tiếng chim vành khuyên, chim gáy, chim chào mào,... (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Và trong những tầng lá” đến hết.
- HS mang theo ảnh, video clip về một chương trình hoặc một hoạt động dành cho thiếu nhi (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói 2 – 3 câu về vẻ đẹp của một khu vườn mà em biết (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Tiếng vườn”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Tiếng vườn

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, tươi vui; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh vật, âm thanh, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *muồm, vòng hoa, tua tua, sức nước, ...*

+ Luyện đọc một số câu dài miêu tả cảnh vật:

• *Từng chùm hoa bướm cánh trắng,/ có những tua nhị vàng/ ngán lên giữa lòng hoa,/ chẳng khác gì những bông thủy tiên thu nhỏ.//;*

• *Và trong những tầng lá/ những tán cây vườn ấy,/ tôi nghe thấy/ những chú dế gọi nhau trong kẽ gạch.//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *vòng* ((cành) cong lên như hình cung),...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “tiếng vườn gọi”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “búp trên cành”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Vẻ đẹp, sự thay đổi của cây cối trong vườn khi mùa xuân đến được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh:*

- *Cây muỗm: khoe vòng hoa mới, hoa tua tủa trở thẳng lên trời.*
- *Hoa nhài: nở trắng xoá, hoa xinh, trắng tinh khôi, hương ngào ngạt sức nức.*
- *Hoa bưởi: đua nhau nở, cánh trắng, những tua nhị vàng ngán lên giữa lòng hoa, giống những bông thủy tiên thu nhỏ.*
- *Vườn chè: bắt đầu ra búp, một tôm hai lá, tôm màu lá mạ, ngán một màu xanh non.*

+ Câu 2: *TG ấn tượng nhất với những tán xoan vì cách xoan báo mùa xuân rất đặc biệt: Hơi xuân chớm đến, trên những cành cây khô bỗng vỡ oà những chùm lộc biếc. Lộc xoan có màu ngọc lục rất đẹp.*

+ Câu 3: *Từ ngữ gợi tả môi âm thanh trong vườn cây: Những chú dế gọi nhau, chim vành khuyên lịch chích, tiếng chim gáy gù gù, đàn chim chào mào riu rít → Ý thứ hai của câu hỏi khuyến khích HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: Những âm thanh sinh động, đầy sức sống của chim muông khi trời vào xuân đem đến cảm xúc vui tươi, náo nức, tràn ngập sức sống,....*

+ Câu 4: *HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: Vì khi mùa xuân về, vườn đầy sức sống: sức sống của cây cối, của loài vật. Sức sống ấy thể hiện ở màu sắc, ở hương thơm, ở âm thanh náo nức, tươi mới của vạn vật. Sức sống ấy vô cùng hấp dẫn như gọi mời con người hoà vào thiên nhiên để cùng náo nức, vui tươi.)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS – nếu có).

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 1, 2: *Cây cối trong vườn đua nhau khoe sắc khi mùa xuân đến.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Những âm thanh rộn ràng, vui vẻ trong khu vườn xuân.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 3 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng đọc thông thả, vui vẻ; nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả âm thanh, hoạt động của các loài vật, ...*):

Và trong những tầng lá/ những tán cây vườn ấy,/ tôi nghe thấy/ những chú dế gọi nhau trong kẽ gạch.// Chim vành khuyên lích chích tìm sâu/ trong các bụi chanh.// Trên chùm hoa bưởi,/ những cánh ong mật quay tít.// Tiếng chim gáy gù gù/ trong bụi tre gai.// Đàn chim chào mào riú rít/ trên các cành xoan,/ vừa đứng ở vườn này/ đã chạy sang vườn khác.//

- HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 3.
- HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Nói và nghe

Giới thiệu một chương trình truyền hình hoặc một hoạt động dành cho thiếu nhi

- HS xác định yêu cầu của BT 1, BT 2 và đọc các gợi ý.
- HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ theo gợi ý:
 - + Tên chương trình truyền hình hoặc hoạt động em muốn giới thiệu là gì? Do cá nhân hoặc đơn vị nào tổ chức?
 - + Chương trình truyền hình hoặc hoạt động đó diễn ra vào lúc nào? Ở đâu?
 - + Nội dung của chương trình truyền hình hoặc hoạt động là gì?
 - + Chương trình truyền hình hoặc hoạt động đó có ý nghĩa như thế nào?
 - + ?
- Lưu ý:** HS có thể sử dụng ảnh, video clip đã chuẩn bị khi giới thiệu.
 - 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp, HS khác lắng nghe, quan sát, ghi lại một số thông tin về chương trình truyền hình hoặc hoạt động được nghe bạn giới thiệu mà em thấy thú vị.
 - HS nhận xét phần giới thiệu của bạn theo các tiêu chí:
 - + Nội dung giới thiệu.
 - + Trình tự giới thiệu.
 - + Hình thức giới thiệu: tốc độ, âm lượng nói, yếu tố phi ngôn ngữ,...
 - + Sử dụng phương tiện hỗ trợ khi giới thiệu.
 - + ?
 - HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Viết đoạn kết bài cho bài văn tả phong cảnh

3.1. Nhận diện đoạn kết bài mở rộng và đoạn kết bài không mở rộng

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và BT 2.
- HS hoạt động nhóm 4, đọc từng đề bài và hai đoạn kết bài tương ứng với mỗi đề bài rồi xếp vào nhóm thích hợp.

(Đáp án:

a. Nhóm 1: Đoạn văn ②; nhóm 2: Đoạn văn ①.

b. Nhóm 1: Đoạn văn ①; nhóm 2: Đoạn văn ②.)

- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.
 - HS trả lời một số câu hỏi của GV:
 - + Vì sao em xếp được đoạn văn vào nhóm? (Gợi ý: Dựa vào nội dung đoạn văn để xếp vào đúng nhóm: nhóm 1 nêu nhận xét, đánh giá chung về cảnh hoặc nêu tình cảm, cảm xúc của người tả với cảnh; nhóm 2 có thể liên hệ về người, vật có liên quan và tưởng tượng những điều xảy ra trong tương lai,...)
 - + Theo em, có những cách nào để viết đoạn kết bài trong bài văn tả phong cảnh?
 - HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách kết bài.
- Lưu ý:** GV chỉ cần nhắc lại, không đóng khung ghi nhớ và cũng không yêu cầu HS học thuộc ghi nhớ.

3.2. Thực hành viết đoạn kết bài

- HS xác định yêu cầu của BT 3.
- HS viết đoạn kết bài cho bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở theo một trong hai cách dựa vào gợi ý vào VBT.
- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn.
- 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: Ghi lại 1 – 2 hình ảnh hoặc từ ngữ gợi tả âm thanh mà em thích trong bài đọc “Tiếng vườn” và lí do em thích.
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà (nếu còn thời gian có thể cho HS ghi lại ở trên lớp, khuyến khích HS ghi chép dưới dạng sơ đồ).
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 7: CHỚM THU (tiết 22 – 25, SHS, tr. 37 – 41)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Chia sẻ được với bạn 1 – 2 dấu hiệu của thời tiết nơi em ở vào một mùa trong năm; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

2. Đọc:

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Con đường bước đến ngày mai của bạn nhỏ gắn với những năm tháng tuổi thơ, với cảnh vật mùa thu và những người thân. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Tuổi thơ với những cảnh vật tươi đẹp đã góp phần nuôi dưỡng, chấp cánh cho mỗi người trên con đường bước tới tương lai.* Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được thông báo, quảng cáo hoặc bản tin về hoạt động chào mừng năm học mới, hoạt động hè hoặc chương trình nghệ thuật dành cho thiếu nhi; viết được *Nhật kí đọc sách* và chia sẻ được với bạn về thông tin và hình thức của thông báo, quảng cáo hoặc bản tin đã đọc.

3. Biết cách sử dụng từ điển.

4. Viết được bài văn tả một cảnh đẹp ở quê hương em hoặc nơi em ở.

5. Ghi lại được những từ ngữ, hình ảnh em thích trong bài thơ “Chớm thu”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

– SHS, VBT, SGV.

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.

– Tranh, ảnh về áo toì, giàn trầu, hoa cúc trắng, cánh đồng lúa chín,... (nếu có).

– HS mang tới lớp thông báo, quảng cáo hoặc bản tin phù hợp với chủ điểm “Khung trời tuổi thơ” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

– Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn 1 – 2 dấu hiệu của thời tiết nơi em ở vào một mùa trong năm (Gợi ý: *Mùa xuân thời tiết se se lạnh, mùa hè thời tiết*

nóng bức, ...) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Chớm thu”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

1.1. Đọc bài thơ

Chớm thu

1.1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hình ảnh, dáng vẻ, màu sắc, hoạt động của các sự vật, ...)*

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *ngõ, đằm, ...*

+ Luyện đọc một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

Trầu già/ giầu nắng đầy cây/

Có bông cúc/ trắng như mây giữa trời/

Có con đường/ cỏ xanh tươi/

Có dòng nước lững/ chờ người qua sông.//; ...

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *cuốc* (loài chim nhỏ, thường sống ở những vùng có nước, trong các lùm cây, bụi rậm, bờ ao, ruộng lúa, bờ tre; cuốc là loài chim quen thuộc, biểu tượng cho người nông dân làm việc vất vả khuya sớm), *heo may* ((gió heo may) gió hơi lạnh và khô thổi vào mùa thu), *tảo tần* ((phụ nữ) làm lụng vất vả, đảm đang mọi việc nhà trong cảnh sống khó khăn),...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Hai khổ thơ đầu.

+ Đoạn 2: Khổ thơ thứ ba, thứ tư.

+ Đoạn 3: Khổ thơ cuối.

(*Tùy thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép các khổ thơ để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.*)

1.1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu 1: *Dấu hiệu báo mùa thu đến: không còn tiếng chim cuốc, có gió heo may, trầu giầu nắng đầy cây, hoa cúc nở trắng như mây, cỏ lên xanh tươi, nước dòng sông lặng trôi.*

+ Câu 2: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: “*Mùa đơm hạt thóc trên đồng*” gọi là “*mùa vui*” vì *thóc đơm hạt là kết tinh những nỗi vất vả, nhọc nhằn của người nông dân; thóc được mùa đem đến no ấm cho mọi người;...*

+ Câu 3: *Khi nhìn hạt gạo, nhành hoa, TG nghĩ về công lao của mẹ cha, của đất đai chan hoà* → Ý thứ hai của câu hỏi khuyến khích HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Vì cha mẹ (cũng như những người nông dân) đã cày cù, sớm hôm vất vả để tạo ra hạt gạo, để chăm chút cho từng nhành hoa tươi thắm.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Tương lai của bạn nhỏ sẽ đẹp đẽ, tươi sáng hơn nhờ những năm tháng học tập chăm chỉ, nhờ sự chăm sóc của mẹ, sự dạy dỗ của cô giáo và những kỉ niệm tuổi thơ tươi đẹp bên bạn bè, người thân,...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *đơm*¹ (nảy sinh ra từ cơ thể thực vật → nghĩa trong bài: lúa kết hạt), *đơm*² (làm cho dính liền → nghĩa trong bài: bóng dáng của mẹ gắn với đồng ruộng, mùa màng),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1 → rút ra ý đoạn 1: *Những dấu hiệu báo mùa thu đến.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 2, 3 → rút ra ý đoạn 2: *Niềm vui, sự gắn bó của người nông dân với mùa màng, đất đai.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra ý đoạn 3: *Con đường bước tới ngày mai của bạn nhỏ dệt từ trang sách, bóng mẹ, dáng cô và những năm tháng tuổi thơ* → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.1.3. Luyện đọc lại và học thuộc lòng

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài thơ. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc, nhịp thơ và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại ba khổ thơ cuối và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng trong sáng, tha thiết; nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hình ảnh, dáng vẻ, màu sắc, hoạt động của các sự vật,...*):

Mùa đơm hạt thóc/ trên đồng/

Đơm thêm bóng mẹ/ chờ trông tháng ngày/

Mùa vui/ lúa vẽ đường cày/

Vẽ nên vóc dáng/ đôi tay tảo tần.//

Từ trong/ hạt gạo trắng ngàn/
Là bao hôm sớm/ ân cần mẹ cha/
Từ trong/ thơm thảo nhàn nhàn hoa/
Là bao tình nghĩa/ chan hoà đất đai..//

Con đường/ bước đến ngày mai/
Dệt từ trang sách/ dăm dùi ước mơ/
Dệt từ bóng mẹ/ dáng cô.../
Cùng bao năm tháng tuổi thơ/ ngọt lành..//

- HS luyện đọc thuộc lòng bài thơ trong nhóm, trước lớp (có thể thực hiện sau giờ học).
- HS nghe bạn và GV nhận xét phần đọc thuộc lòng.

1.2. Đọc mở rộng

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách Chủ điểm *Khung trời tuổi thơ*

1.2.1. Tìm đọc thông báo, quảng cáo, bản tin

– HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một thông báo, quảng cáo hoặc bản tin phù hợp với chủ điểm “Khung trời tuổi thơ” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên trang thông tin của trường, trên internet một thông báo, quảng cáo hoặc bản tin:

- + Về một hoạt động chào mừng năm học mới
- + Về một hoạt động hè của thiếu nhi
- + Về một chương trình nghệ thuật dành cho thiếu nhi
- + ?

– HS chuẩn bị thông báo, quảng cáo hoặc bản tin để mang tới lớp chia sẻ.

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách

– HS viết vào *Nhật kí đọc sách* những điều em ghi nhớ sau khi đọc thông báo, quảng cáo hoặc bản tin: tên thông báo, quảng cáo hoặc bản tin, tên TG, thông tin chính, điều ấn tượng,...

– HS có thể trang trí *Nhật kí đọc sách* đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung thông báo, quảng cáo hoặc bản tin.

1.2.3. Chia sẻ về thông báo, quảng cáo, bản tin đã đọc

- HS trao đổi thông báo, quảng cáo hoặc bản tin cho bạn trong nhóm để cùng đọc.
- HS chia sẻ về *Nhật kí đọc sách* của mình.

- HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện *Nhật kí đọc sách*.
- HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về hình thức (cách trình bày, sắp xếp thông tin,...) của thông báo, quảng cáo hoặc bản tin đã đọc.
- HS bình chọn một số *Nhật kí đọc sách* sáng tạo và dán vào *Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt*.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

1.2.4. Ghi chép về thông báo, quảng cáo, bản tin được bạn chia sẻ

HS có thể ghi lại những thông tin quan trọng trong thông báo, quảng cáo hoặc bản tin được bạn chia sẻ mà em ấn tượng: tên thông báo, quảng cáo hoặc bản tin, tên TG hoặc nguồn, những thông tin quan trọng,...

1.2.5. Đọc thông báo, quảng cáo hoặc bản tin được bạn chia sẻ mà em thích

- HS nghe GV nêu yêu cầu và hướng dẫn cách tìm đọc thông báo, quảng cáo hoặc bản tin.
- HS thực hành đọc thông báo, quảng cáo hoặc bản tin ở nhà.

TIẾT 3

2. Luyện từ và câu

Sử dụng từ điển

2.1. Tìm hiểu cách sử dụng từ điển

- HS xác định yêu cầu của BT 1.
- HS thực hiện BT theo nhóm nhỏ vào VBT.

(Gợi ý:

- Từ “kết” được trình bày năm nghĩa. “Kết¹” là nghĩa gốc; “kết^{2,3,4,5}” là nghĩa chuyển.
- HS trả lời theo suy nghĩ riêng.)

- 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Luyện tập tra từ điển

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS làm bài vào VBT.

(Gợi ý:

- Nghĩa của các từ in đậm:

+ mắt¹: cơ quan để nhìn của người hay động vật; mắt²: bộ phận giống hình những con mắt ở ngoài vỏ của một số quả.

- cổ¹: bộ phận của cơ thể, nối đầu với thân; cổ²: bộ phận của áo, bao quanh cổ.

b. Từ “mắt¹” và “mắt²” đều chỉ bộ phận lõm vào trên bề mặt.

Từ “cổ¹” và “cổ²” đều chỉ bộ phận hình trụ thon eo lại so với phần nổi liền nó, nối giữa đầu với thân.)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Luyện tập sử dụng từ điển để phân biệt các nghĩa của từ đa nghĩa

– HS xác định yêu cầu của BT 3a.

– HS hoạt động nhóm đôi, thực hiện yêu cầu.

(Gợi ý:

+ Nghĩa gốc: Có vị như vị của đường, mật.

+ Nghĩa chuyển: (1) Giọng nói nhẹ nhàng, dễ nghe, dễ làm xiêu lòng (dễ ngọt); (2) âm thanh nghe êm tai (giọng hát ngọt); ...)

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS xác định yêu cầu của BT 3b.

– HS làm bài vào VBT.

– HS chơi trò chơi *Chuyển hoa* để chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 4

3. Viết

Viết bài văn tả phong cảnh (Bài viết số 1)

3.1. Viết bài văn tả phong cảnh

– HS xác định yêu cầu của đề bài và đọc các gợi ý.

– HS có thể nghe GV lưu ý thêm:

+ Dựa vào dàn ý đã lập, đoạn mở bài, các đoạn thân bài và đoạn kết bài đã viết ở các tiết trước để viết bài văn hoàn chỉnh.

+ Khi tả, có thể chọn một trong hai cách theo gợi ý.

+ Phần thân bài có thể gồm một hoặc nhiều đoạn văn.

+ Khuyến khích viết đoạn mở bài gián tiếp và đoạn kết bài mở rộng.

+ Sử dụng từ ngữ gợi tả, biện pháp so sánh, nhân hoá để bài viết thêm sinh động.

+ ...

– HS thực hành viết bài văn vào VBT.

3.2. Đọc lại, chỉnh sửa và hoàn thiện bài đã viết

- HS xác định yêu cầu của BT 2.
- HS tự đọc lại bài viết để chữa lỗi dùng từ, viết câu, chính tả,... (nếu có).
- HS nghe GV nhận xét, đánh giá quá trình viết.

C. VẬN DỤNG

- HS xác định yêu cầu của hoạt động: *Ghi lại những từ ngữ, hình ảnh em thích trong bài thơ “Chớm thu”.*
- HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, tổng kết bài học.

BÀI 8: BAN MAI (tiết 26 – 28, SHS, tr. 42 – 45)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Nói được 1 – 2 câu về cảnh ban mai ở quê hương em hoặc nơi em ở; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cảnh bình minh tươi đẹp của quê hương TG và niềm ước ao có màu vẽ để vẽ lại cảnh đẹp tuyệt vời ấy. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Ngợi ca vẻ đẹp thanh bình, đầy sức sống của thiên nhiên trên quê hương lúc ban mai và bày tỏ tình yêu tha thiết với quê hương của TG.*
3. MRVT theo chủ đề *Tuổi thơ*.
4. Biết quan sát, tìm được ý cho bài văn tả một danh lam thắng cảnh.
5. Đặt được tên cho 1 – 2 tranh, ảnh về tuổi thơ; mở được triển lãm “Khung trời tuổi thơ”.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- SHS, VBT, SGV.
- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SHS phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Tôi vừa chạy vừa quan sát” đến “thì nhau lao vun vút”.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về hồ T’Nưng; các danh lam thắng cảnh (nếu có).
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi học tập.
- HS mang tới lớp tranh, ảnh về tuổi thơ của em để mở triển lãm “Khung trời tuổi thơ” (ảnh chụp cùng người thân, bạn bè, thầy cô...; ảnh sinh nhật; tranh, ảnh những chuyến đi chơi;...).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

A. KHỞI ĐỘNG

– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói 1 – 2 câu về cảnh ban mai ở quê hương em hoặc nơi em ở (Gợi ý: *cảnh vật, con người, ...*) → xem tranh minh họa bài đọc, liên hệ nội dung khởi động với nội dung tranh → đọc tên và phỏng đoán nội dung bài đọc.

– HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới “Ban mai”.

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc

Ban mai

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu. (Gợi ý: *Giọng đọc trong sáng, vui tươi; nhấn giọng ở những từ ngữ tả cảnh hoặc chỉ hoạt động và niềm ao ước của nhân vật, ...*)

– HS luyện đọc thành tiếng từng đoạn, cả bài trong nhóm và trước lớp, kết hợp thực hiện một số hoạt động:

+ Luyện đọc một số từ ngữ khó: *quất tanh tách, cúc thi xa, hau háu, xúm xít, ...*

+ Luyện đọc một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật:

• *Cỏ linh lăng ướt đầm/ lành lạnh/ quất tanh tách vào đôi chân trần,/ đâm đau nhói vào hai bàn chân nứt nẻ/ nhưng/ tôi vẫn cảm thấy thích thú.//;*

• *Chao ôi,/ nếu tôi có màu vẽ/ thì tuyệt quá,/ tôi sẽ vẽ cả vàng mặt trời buổi sáng này,/ cả dãy núi xanh/ điểm những vệt trắng kia,/ cả cánh đồng cỏ linh lăng/ long lanh sương sớm này,/ cả cây hướng dương/ mọc hoang bên bờ kênh kia!//;...*

+ Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: *quả nang* (một loại quả khô – phân biệt với quả thịt, khi chín thì vỏ khô, cứng và mỏng – thường xuất hiện ở các loài thực vật có hoa),...

– Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “vẫn cảm thấy thích thú”.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến “lao vun vút”.

+ Đoạn 3: Còn lại.

(Tuỳ thuộc vào năng lực HS, GV có thể tách hoặc ghép đoạn để thuận tiện trong việc hướng dẫn các em luyện đọc.)

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

(Gợi ý:

+ Câu hỏi phụ: Nhân vật tôi đi đâu? Vào buổi nào? (*Ra bờ sông vào buổi sáng sớm.*)

+ Câu 1: *Trên đường chạy ra bờ sông, nhân vật tôi cảm nhận được cỏ linh lăng ướt đầm sương đêm, mặt trời vươn mình nhô lên, hướng dương vươn về phía mặt trời, cúc thi xa hau háu xúm xít vây lấy hướng dương; hướng dương “thè lưỡi vàng đón nắng mai”, bày quả nang chặt cứng hạt uống no ánh sáng; cây bạc hà mọc cao, nom như một hòn đảo nhỏ màu tím nhạt,...*

+ Câu 2: *Các hình ảnh nhân hoá: mặt trời vươn mình nhô lên; hướng dương vươn về phía mặt trời, không chịu thua đám cúc thi xa, thè lưỡi vàng, đón nắng ban mai, cho bày quả nang uống no ánh sáng; cúc thi xa hau háu xúm xít vây hướng dương; chim én thi nhau lao vun vút → Cảnh vật trở nên sinh động, gần gũi, thân thiết, đáng yêu như những người bạn.*

+ Câu 3: *Nhân vật tôi ước có màu để vẽ cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp buổi ban mai. Vì cảnh vật quá đẹp và vì nhân vật tôi thiết tha mến yêu cảnh đẹp đó.*

+ Câu 4: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: *Chọn tên “Trên mảnh đất quê hương” vì cảnh vật trên mảnh đất quê hương vào buổi sáng thật đẹp, ...)*

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó (ngoài từ ngữ đã được giải thích ở SHS), VD: *hau háu* (từ gọi tả vẻ nhìn tập trung, không chớp mắt, tỏ rõ sự thèm muốn), *xúm xít* (tụ tập nhau lại rất đông quanh một điểm),...

Lưu ý: Tùy thuộc vào trình độ HS, thời lượng tổ chức hoạt động và nội dung cụ thể của từng bài đọc, GV có thể kết hợp hướng dẫn HS tìm ý từng đoạn:

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi phụ → rút ra ý đoạn 1: *Bạn nhỏ chạy ra bờ sông vào buổi sớm mai.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 1, 2 → rút ra ý đoạn 2: *Hình ảnh đẹp của sự vật lúc ban mai.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 3 → rút ra ý đoạn 3: *Ước muốn có màu vẽ để vẽ cảnh đẹp quê hương của nhân vật tôi.*

+ Sau khi HS trả lời câu hỏi 4 → rút ra nội dung, ý nghĩa bài đọc.

1.3. Luyện đọc lại

– HS nhắc lại cách hiểu về nội dung, ý nghĩa bài đọc. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV hoặc bạn đọc lại đoạn 2 và xác định giọng đọc đoạn này (Gợi ý: *Giọng vui, trong sáng; nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của người, vật, ...*):

Tôi vừa chạy/ vừa quan sát mọi diễn biến xung quanh.// Mặt trời vuôn mình nhô lên/ sau dãy núi,/ cây hướng dương mọc hoang trên bờ kênh/ vuôn về phía mặt trời.// Đám cúc thi xa đầu trắng/ hau háu xúm xít vây lấy nó,/ nhưng nó không chịu thua.// nó thè ra những chiếc lưỡi vàng,/ đón lấy những tia nắng ban mai,/ cho bày quả nang chặt cứng

hạt/ uống no ánh sáng.// Kia/ là lối qua kênh,/ mặt đất/ nát nhừ vì xe cộ qua lại nhiều,/ nước/ rỉ qua những vết bánh xe.// Kia/ là đám cây bạc hà thơm thơm/ mọc cao ngang tầm thắt lưng,/ nom như một hòn đảo nhỏ màu tím nhạt.// Tôi chạy trên mảnh đất quê hương,/ trên đầu tôi/ chim én thi nhau lao vun vút.//

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

TIẾT 2

2. Luyện từ và câu

Mở rộng vốn từ Tuổi thơ

2.1. Tìm các từ ngữ thuộc chủ đề Tuổi thơ

– HS xác định yêu cầu của BT 1.

– HS thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ theo kỹ thuật *Khăn trải bàn*.

(Gợi ý:

a. *bị mắt bắt dê, trốn tìm, ném cù, bắn bi, đá banh,...*

b. *vui vẻ, thích thú, phấn khích, hào hứng, ...)*

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.2. Sắp xếp từ ngữ thành hai nhóm

– HS xác định yêu cầu của BT 2a.

– HS hoạt động nhóm 4, xếp các từ thành hai nhóm.

(Gợi ý:

+ *Từ chỉ hoạt động của trẻ em: nô đùa, quan sát, khám phá, tìm tòi, sáng tạo.*

+ *Từ chỉ tính nết của trẻ em: thơ ngây, hồn nhiên, tinh nghịch, trong sáng, ngoan ngoãn, sáng tạo.*

Lưu ý: Từ “sáng tạo” có thể xếp vào hai nhóm, vì từ này còn mang nét nghĩa chỉ phẩm chất, tính cách, VD: *Ưa tìm tòi, sáng tạo, có đầu óc sáng tạo,...*)

– HS xác định yêu cầu của BT 2b.

– HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.

– HS làm bài vào VBT.

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.3. Chọn từ ngữ phù hợp với đoạn văn

- HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc đoạn văn.
- HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện BT. (Đáp án: *thơ ngây, trong sáng, nô đùa, tinh nghịch, khám phá, sáng tạo*)
- 2 – 3 nhóm HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.

2.4. Viết câu giới thiệu một trò chơi quen thuộc

- HS xác định yêu cầu của BT 4.
- HS nói câu trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý.
- HS làm bài vào VBT.
- 2 – 3 HS chữa bài trước lớp.
- HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.

TIẾT 3

3. Viết

Luyện tập quan sát, tìm ý cho bài văn tả phong cảnh

3.1. Nhận xét về cách quan sát trong bài văn tả một cảnh đẹp trong tự nhiên

- HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn.
- HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu của BT, kết hợp hoàn thành sơ đồ tư duy vào VBT (có thể sử dụng *Phiếu học tập* để hỗ trợ HS học nhóm).

(Gợi ý:

a. TG tả hồ T'Nung vào những thời điểm:

- + *Sáng sớm*: giống như một thiếu nữ dịu dàng choàng tấm khăn voan mỏng.
- + *Nắng lên*: mặt hồ trải rộng, sáng lấp lánh, phản chiếu rõ nét cảnh rừng núi, mây trời.
- + *Hoàng hôn*: rặng chiều nhuộm đỏ mặt nước; gió mơn man theo những gợn sóng lăn tăn.

+ *Vào những ngày nắng đẹp*: nước trong; từng đàn cá tung tăng bơi lội; cây lá xanh ngút ngàn; chim hót líu lo.

b. TG sử dụng thị giác, xúc giác, thính giác để quan sát cảnh vật.

c. Hình ảnh so sánh: T'Nung giống như một thiếu nữ dịu dàng choàng tấm khăn voan mỏng; viên ngọc bích xanh trong không lồ ấy phản chiếu rõ nét cảnh rừng núi, mây trời.

Hình ảnh nhân hoá: rặng chiều nhuộm đỏ mặt nước; gió mơn man theo những gợn sóng lăn tăn, ru hồ vào giấc ngủ say.